

Thứ hai, ngày 20 tháng 3 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index giảm hơn 20 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 21/3/2023		●	
Tuần 20/3-24/3/2023		●	
Tháng 03/2023		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường giảm điểm từ đầu phiên đến cuối phiên với mức độ tăng dần theo thời gian. 19/19 ngành giảm điểm với số mã giảm áp đảo số mã tăng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX trong khi mua ròng tại sàn HNX. Thông tin về việc UBS mua lại Credit Suisse vẫn gây phản ứng khá tiêu cực trên thị trường khi mức giá UBS chọn ở mức 0.76 Franc, thấp hơn nhiều so với mức giá đóng cửa thứ 6 là 1.86 Franc. Hiện tại, nhịp vận động của VN-Index đang báo hiệu tín hiệu kỹ thuật suy yếu và có thể hướng về ngưỡng 1000 điểm. Tuy nhiên, với việc toàn bộ thị trường thế giới đang dõi theo quyết định của FED trong ngày 22/03, nhiều khả năng chỉ số VN-Index có thể duy trì vận động trong vùng hỗ trợ 1000-1020 điểm.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 20/3/2023, các chứng quyền biến động theo xu hướng suy yếu của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-22.04** điểm, đóng cửa **1023.1** điểm. HNX-Index **-2.85** điểm, đóng cửa **201.62** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VCF (+0.1), PNJ (+0.08), DCM (+0.08), KDC (+0.07), GMD (+0.05).
- Kéo chỉ số giảm: VCB (-4.63), TPB (-1.47), CTG (-1.21), BID (-1.21), VHM (-0.87).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **8,000** tỷ đồng, giảm **-11.54%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 10,289 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 22.43 điểm. Thị trường có **48** mã tăng, **43** mã tham chiếu, **369** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-346.24** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm HPG (-68.28 tỷ), VIC (-58.44 tỷ), FUEVFNDC (-34.69 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 13.74 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

VN-INDEX **1023.10**
Giá trị: 8000.33 tỷ **-22.04 (-2.1%)**
Khối ngoại (ròng): -346.24 tỷ

HNX-INDEX **201.62**
Giá trị: 800.53 tỷ **-2.85 (-1.39%)**
Khối ngoại (ròng): 13.74 tỷ

UPCOM-INDEX **76.02**
Giá trị: 324.94 tỷ **-0.41 (-0.54%)**
Khối ngoại (ròng): -6.75 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	68.9	0.80%
Giá vàng	1,930	0.57%
Tỷ giá USD/VND	23,590	0.06%
Tỷ giá EUR/VND	25,136	0.46%
Tỷ giá JPY/VND	177	0.16%
LS liên NH 1 tháng	5.0%	-0.33%
LS TPCP 5 năm	3.9%	-0.25%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
DCM	28.14	HPG	-68.28
HSG	14.64	VIC	-58.44
MSN	10.88	FUEVFNDC	-34.69
VRE	9.18	VNM	-30.84
GMD	8.55	STB	-26.21

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Hiệu suất PTKT	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Danh mục BSC30	Trang 6
Danh mục BSC50	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
16/03/2023	GVR	15	16.9	14	14.35	4	-4.33%	Có thể giữ nguyên vị thế
7/3/2023	HPG	21.1	24	19.8	20	13	-5.21%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
2/3/2023	DDV	8.6	10	8	8.3	18	-3.49%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiền cận giá mục tiêu		

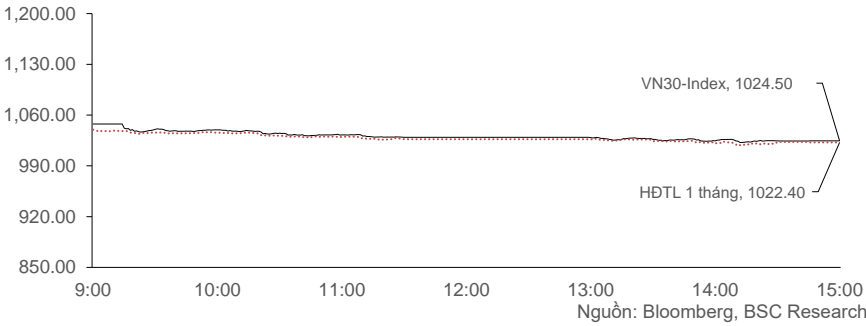
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
31/1/23	DGC	60.3	70	56.6	SL	8	-6.14%
19/12/22	VCS	57.7	70.5	53.3	SL	46	-7.63%
16/12/22	IJC	14.2	18	13	SL	4	-8.45%
18/8/22	PTB	67.8	77	64	SL	21	-5.60%
5/8/22	DRC	29.5	34	28.2	SL	54	-4.41%
4/8/22	VTP	62.3	70	58.5	SL	46	-6.10%
7/18/22	GVR	23.2	23.5	21.9	TP	65	1.29%
27/6/22	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
1/6/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
25/5/22	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
19/5/22	DCM	31.4	40	28	TP	14	27.39%
Chú thích:		Danh sách thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất			TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	0	3	0.00%	-4.34%	-4.34%	12
Cổ phiếu đã chốt	251	232	7.01%	-7.45%	3.97%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2304	1022.40	-2.17%	-2.10	-2.2%	291,579	4/20/2023	33
VN30F2305	1016.10	-2.40%	-8.40	-17.2%	668	5/18/2023	61
VN30F2306	1019.10	-2.10%	-5.40	76.5%	233	6/15/2023	89
VN30F2309	1021.40	-1.74%	-3.10	197.3%	217	9/21/2023	187

Source: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -23.21 điểm xuống 1024.5 điểm, biên độ dao động 20.4 điểm. Các cổ phiếu như TPB, VCB, STB, MWG, và FPT đã tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 ngập trong sắc đỏ với biên độ giao động lớn. Thanh khoản thị trường nằm dưới MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, VN30F2304, VN30F2305 giảm các hợp đồng còn lại đều tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2306 giảm, các hợp đồng còn lại đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVPB2301	9/27/2023	191	4.91:1	183,700	38.86%	1,000	1,000	0.00%	484	2.06	23,680	19,800	19,700
CTCB2214	6/6/2023	78	2:1	99,100	43.42%	2,470	700	-2.78%	929	0.75	29,160	27,000	26,250
CMBB2213	6/6/2023	78	3:1	98,800	39.74%	1,550	720	-4.00%	494	1.46	19,280	17,000	17,300
CSTB2225	11/1/2023	226	5:1	161,100	50.20%	2,900	3,300	-4.62%	1,201	2.75	27,180	20,500	24,200
CMBB2214	9/5/2023	169	2:1	93,600	39.74%	2,400	1,430	-5.30%	1,083	1.32	19,820	17,000	17,300
CVPB2212	8/31/2023	164	15.2:1	276,900	38.86%	1,700	350	-5.41%	46	7.53	25,523	24,644	19,700
CMBB2301	6/27/2023	99	4:1	112,100	39.74%	1,170	840	-5.62%	512	1.64	19,740	16,300	17,300
CHPG2301	6/27/2023	99	2:1	56,400	50.02%	1,970	2,000	-5.66%	1,334	1.50	23,300	19,000	20,000
CACB2208	9/5/2023	169	4:1	178,900	35.63%	1,400	1,250	-6.02%	988	1.26	26,660	21,500	24,000
CSTB2224	9/5/2023	169	1:1	50,600	50.20%	2,700	3,140	-6.55%	5,816	0.54	26,380	20,000	24,200
CHPG2226	9/5/2023	169	4:1	156,600	50.02%	2,300	1,830	-7.58%	777	2.35	23,360	19,500	20,000
CVNM2207	3/28/2023	8	5:1	362,500	23.23%	1,100	460	-9.80%	1,378	0.33	76,736	67,462	74,300
CPOW2210	6/6/2023	78	5:1	74,600	39.93%	1,870	920	-9.80%	185	4.99	13,920	13,000	12,850
CFPT2212	6/6/2023	78	10:1	68,700	25.36%	1,870	1,030	-10.43%	903	1.14	81,200	70,000	77,600
CVRE2219	6/6/2023	78	1.33:1	155,300	45.45%	1,050	510	-10.53%	1,901	0.27	30,470	29,000	29,000
CFPT2210	8/31/2023	164	10:1	173,500	25.36%	2,350	410	-10.87%	185	2.22	94,700	90,000	77,600
CMWG2215	11/1/2023	226	6:1	260,000	45.04%	1,300	560	-11.11%	562	0.996	51,500	45,000	38,100
CVRE2216	8/31/2023	164	2.66:1	163,600	45.45%	1,650	600	-13.04%	1,113	0.54	33,240	31,000	29,000
CVRE2211	3/28/2023	8	7.85:1	1,085,300	45.45%	1,000	80	-38.46%	95	0.85	29,848	28,888	29,000
CVRE2215	3/31/2023	11	1.33:1	1,115,600	45.45%	2,600	130	-40.91%	396	0.33	30,220	30,000	29,000
Tổng				4,926,900	40.86%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 20/3/2023, các chứng quyền biến động theo xu hướng suy yếu của cổ phiếu cơ sở.
- CHPG2225 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 12.96%. Giá trị giao dịch tăng 38%. CHPG2225 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 12.96%.
- CFPT2209, CHDB2208, CHPG2215, và CHPG2221 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CSTB2224, CSTB2225, CHPG2302, và CVPB2214 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CSTB2224, CVNM2211, CHPG2225, và CVNM2207 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCF	229.80	6.93	0.10	800
PNJ	80.00	1.27	0.08	480500
DCM	24.60	2.50	0.08	3.69MLN
KDC	53.90	1.89	0.07	1.75MLN
GMD	49.90	1.42	0.05	251000

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	85.10	-4.38	-5	1.03MLN
TPB	21.60	-14.62	-1	3.89MLN
CTG	28.00	-3.45	-1	1.61MLN
BID	45.35	-2.05	-1	585800
VHM	42.55	-1.85	-1	2.17MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VMD	25.25	6.99	0.01	32400.00
VCF	229.80	6.93	0.10	800
HAS	7.63	6.86	0.00	100
TMT	18.05	6.80	0.01	21300
ST8	22.35	6.68	0.01	308200

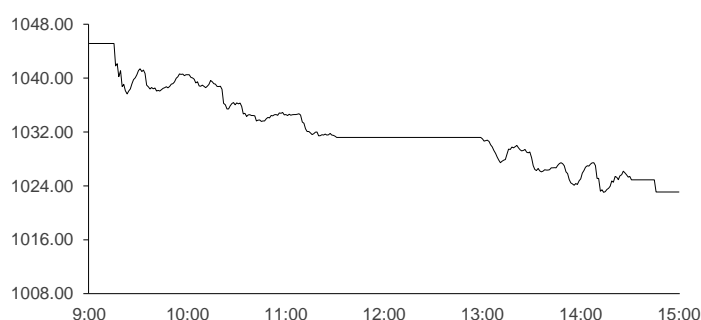
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	85.10	-4.38	-4.63	1.03MLN
TPB	21.60	-14.62	-1.47	3.89MLN
CTG	28.00	-3.45	-1.21	1.61MLN
BID	45.35	-2.05	-1.21	585800
VHM	42.55	-1.85	-0.87	2.17MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1

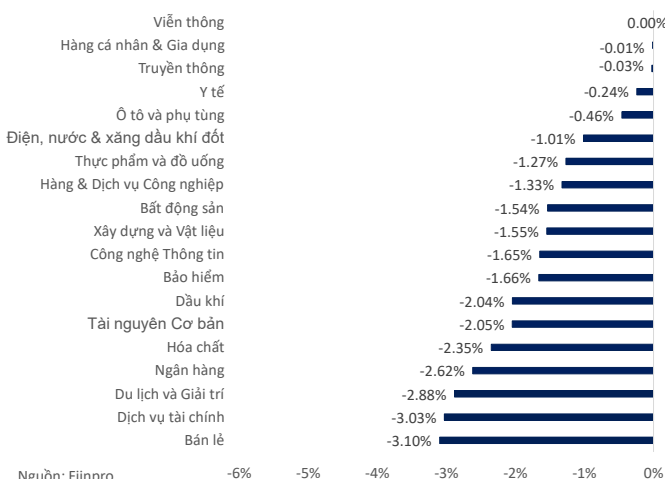
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Vận động ngành



Nguồn: Fiinpro

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SJE	27.20	8.80	0.07	3000.00
PGS	26.60	2.31	0.03	7100
HTP	39.40	0.77	0.03	97400
BCF	38.00	2.43	0.02	300.00
L18	24.40	3.39	0.02	61100

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	24.00	-5.51	-0.55	6.89MLN
SHS	8.40	-4.55	-0.51	11.83MLN
IDC	38.00	-1.81	-0.27	1.84MLN
HUT	15.30	-2.55	-0.22	1.27MLN
THD	39.00	-0.76	-0.17	5500

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

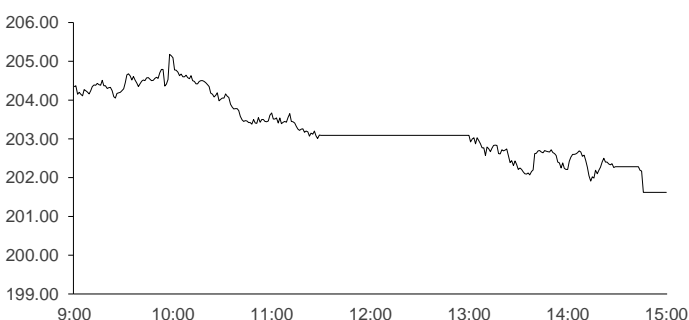
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SDN	47.40	10.0	0.00	4000
PRC	68.80	9.9	0.01	35200
X20	7.80	9.9	0.01	600
KDM	13.40	9.8	0.01	52700
PEN	9.00	9.8	0.00	100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BTW	27.00	-10.00	-0.01	100
PVL	1.80	-10.00	-0.02	805200
VDL	17.50	-9.79	-0.01	1100
VIF	12.20	-9.63	-0.08	1600
BKC	6.60	-9.59	-0.01	1100

Hình 2

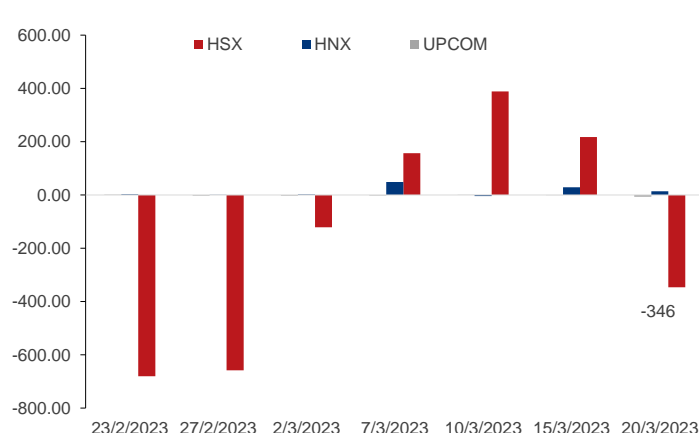
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 4

Giao dịch khối ngoại

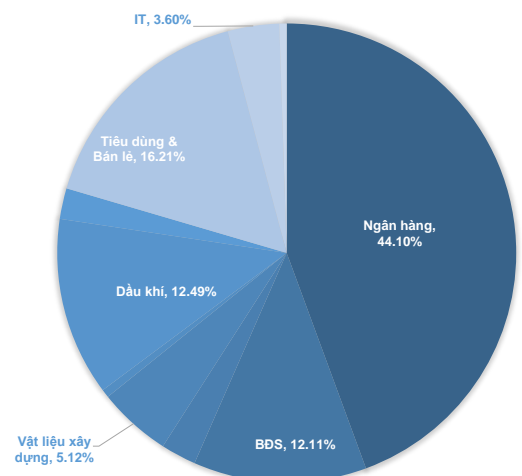


Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	85.1	-4.4%	0.9	17,510	3.9	7,311	11.6	105,000	23.6%	Link
BID	Ngân hàng	45.4	-2.1%	1.0	9,974	1.2	4,208	10.8	54,578	17.3%	Link
CTG	Ngân hàng	28.0	-3.4%	1.2	5,850	2.0	-	-	-	28.1%	Link
VPB	Ngân hàng	19.7	0.0%	1.2	5,750	16.1	-	-	-	17.6%	Link
ACB	Ngân hàng	24.0	-1.4%	1.1	3,524	2.6	4,640	5.2	26,000	30.0%	Link
MBB	Ngân hàng	17.3	-0.9%	1.1	3,410	4.5	4,603	3.8	24,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	24.2	-3.4%	1.4	1,984	18.1	4,880	5.0	31,200	29.2%	Link
SSI	Chứng khoán	19.5	-3.9%	1.7	1,271	16.0	N/A	-	-	42.8%	Link
GVR	BĐS KCN	14.4	-3.7%	1.8	2,496	1.2	1,217	11.8	19,100	0.5%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	20.0	-2.0%	1.0	5,056	20.2	1,916	10.4	25,000	23.4%	Link
HSG	Vật liệu xây dựng	15.7	-3.1%	2.1	408	9.6	1,896	8.3	18,500	10.6%	Link
VHM	BĐS	42.6	-1.8%	0.9	8,056	4.1	5,227	8.1	68,300	23.9%	Link
VRE	BĐS	29.0	-1.7%	0.4	2,865	2.9	1,576	18.4	31,800	32.5%	Link
NLG	BĐS	22.8	-4.4%	1.5	381	1.6	2,557	8.9	38,700	44.9%	Link
DPM	Phân bón	33.5	-1.2%	1.5	570	1.2	14,120	2.4	42,000	18.4%	Link
GAS	Dầu khí	103.0	-0.7%	0.8	8,571	0.9	6,793	15.2	122,300	3.0%	Link
PLX	Dầu khí	35.4	0.0%	0.8	1,956	2.0	2,625	13.5	42,000	18.1%	Link
BSR	Dầu khí	14.9	-5.7%	1.6	2,009	6.8	2,292	6.5	18,400	41.1%	Link
PVS	Dầu khí	24.0	-5.5%	1.3	499	7.4	1,340	17.9	31,100	20.4%	Link
PVT	Dầu khí	19.9	-3.6%	1.3	280	2.0	2,929	6.8	24,300	18.3%	Link
POW	Tiện ích	12.9	-4.1%	1.2	1,308	5.5	993	12.9	13,000	6.3%	Link
REE	Tiện ích	66.7	-1.9%	0.8	1,031	0.4	7,698	8.7	85,000	49.0%	Link
VNM	Tiêu dùng	74.3	-0.3%	0.4	6,751	5.2	3,895	19.1	87,600	55.8%	Link
MSN	Tiêu dùng	81.5	-2.4%	1.2	5,045	4.7	2,605	31.3	96,000	30.6%	Link
MWG	Bán lẻ	38.1	-3.3%	1.3	2,424	3.8	3,456	11.0	55,200	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	80.0	1.3%	0.8	1,141	1.7	7,475	10.7	95,000	49.0%	Link
FRT	Bán lẻ	66.0	-4.2%	1.3	340	5.1	2,965	22.3	77,100	29.0%	Link
VHC	Thủy sản	56.0	-3.4%	1.2	446	0.8	12,800	4.4	67,500	30.5%	Link
GMD	Logistics	49.9	1.4%	0.7	654	0.5	7,059	7.1	57,000	48.8%	Link
FPT	Công nghệ	77.6	-1.8%	0.8	3,701	2.6	5,901	13.2	91,900	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	ROE (%)
TCB	Ngân hàng	26.3	-1.5%	1.3	4,014	2.6	5,737	4.6	0.8	22.5%	19.7%
BVH	Bảo hiểm	49.0	-2.0%	0.9	1,581	0.7	2,059	23.8	1.8	27.3%	7.4%
VND	Chứng khoán	14.4	-4.3%	2.1	760	13.3	1,003	14.3	1.2		10.0%
FTS	Chứng khoán	19.9	-2.9%	2.2	169	1.9	1,672	11.9	1.2	25.5%	10.1%
CII	Xây dựng	14.3	1.4%	1.8	157	5.8	3,003	4.8	0.7	9.1%	14.2%
CTD	Xây dựng	36.7	-1.5%	1.8	118	0.5	281	130.4	0.3	49.1%	0.3%
HBC	Xây dựng	7.9	-1.7%	1.9	94	0.6	(4,168)		0.8	15.7%	-36.1%
LCG	Xây dựng	12.2	0.0%	2.0	101	5.3	1,044	11.7	0.9	3.3%	8.0%
BCM	KCN	81.6	-1.0%	0.9	3,672	0.3	1,306	62.5	5.0	2.8%	9.9%
IDC	KCN	38.0	-1.8%	1.6	545	3.1	6,831	5.6	2.4	1.0%	50.1%
VGC	KCN	30.9	-5.8%	1.5	602	1.4	3,855	8.0	1.8	5.3%	23.5%
VCS	Vật liệu	49.1	-1.4%	0.8	342	0.1	6,671	7.4	1.6	3.1%	23.6%
HT1	Vật liệu	14.6	-1.4%	1.4	242	0.5	675	21.6	1.1	3.4%	5.0%
BMP	Vật liệu	57.4	0.0%	0.7	204	0.1	8,505	6.7	1.8	85.6%	28.3%
NKG	Vật liệu	15.2	-3.5%	2.2	173	6.5	(253)		0.7	12.6%	-1.2%
PTB	Vật liệu	39.5	-0.3%	1.0	117	0.5	7,158	5.5	1.0	13.2%	19.5%
NVL	BDS	11.1	-3.5%	1.0	941	4.8	1,167	9.5	0.6	5.4%	6.2%
DIG	BDS	11.7	-6.0%	2.4	310	5.4	250	46.8	0.9	5.1%	2.0%
IJC	BDS	12.2	-3.6%	2.0	134	1.3	1,914	6.4	0.8	6.0%	13.5%
SCR	BDS	6.4	-1.2%	1.9	110	0.9	127	50.5	0.5	0.4%	1.0%
VEA	Ô tô	37.6	-1.1%	0.5	2,172	0.1	4,320	8.7	2.1	5.1%	23.7%
DCM	Phân bón	24.6	2.5%	1.4	566	3.9	7,702	3.2	1.2	9.7%	45.2%
PVD	Dầu khí	19.6	-6.0%	1.5	472	5.7	(0)		0.8	23.3%	-0.7%
PLC	Dầu khí	32.2	0.9%	1.8	113	1.3	1,649	19.5	2.1	1.3%	10.2%
DRC	Săm & Lốp xe	21.8	-2.5%	1.3	112	0.1	2,586	8.4	1.4	8.4%	16.7%
GEX	Tiện ích	11.9	-4.0%	1.8	439	2.9	446	26.6	0.8	11.5%	3.1%
NT2	Tiện ích	28.5	-1.7%	0.7	357	0.7	2,992	9.5	1.8	15.9%	19.5%
VSH	Tiện ích	38.5	-1.3%	0.7	395	0.2	5,354	7.2	1.8	11.7%	28.0%
HDG	Tiện ích	29.1	-2.7%	1.5	309	0.4	4,599	6.3	1.3	20.2%	22.7%
PC1	Tiện ích	27.2	-1.8%	1.2	320	1.4	1,664	16.3	1.4	7.5%	9.2%
HND	Tiện ích	14.2	1.4%	0.5	309	0.0	1,094	13.0	1.1	0.0%	8.7%
QTP	Tiện ích	14.7	-0.7%	0.6	288	0.2	1,698	8.7	1.1	0.9%	12.4%
GEG	Tiện ích	13.9	-2.8%	1.1	195	0.4	1,193	11.6	1.2	46.4%	8.1%
PPC	Tiện ích	15.1	-0.3%	0.7	210	0.1	1,162	12.9	1.0	13.0%	7.5%
OIL	Tiện ích	8.7	-2.2%	1.5	391	0.2	493	17.6	0.9	6.1%	5.0%
DHC		39.0	-1.5%	0.6	136	0.1	4,670	8.4	1.8	35.0%	22.0%
SAB	F&B, Bán lẻ	189.0	-1.6%	0.2	5,270	0.3	8,006	23.6	5.2	62.7%	23.6%
QNS	F&B, Bán lẻ	38.5	-0.3%	0.5	597	0.2	4,226	9.1	1.6	19.5%	17.5%
DBC	F&B, Bán lẻ	13.3	-0.4%	2.0	140	1.5	621	21.4	0.7	5.9%	3.2%
PET	F&B, Bán lẻ	19.9	-4.1%	2.3	85	0.6	1,582	12.5	1.1		7.4%
HAG	F&B, Bán lẻ	7.3	-3.6%	1.4	296	2.5	1,252	5.9	1.3	2.4%	24.8%
ANV	Thủy sản	30.0	-1.6%	1.6	174	1.3	5,299	5.7	1.3	6.5%	25.8%
VJC	Logistics	105.6	-3.0%	0.2	2,487	1.3	(4,010)		4.0	17.3%	-14.0%
HVN	Logistics	12.7	-3.1%	1.2	1,223	0.7	(4,720)			5.9%	
SCS	Logistics	67.5	-1.5%	0.3	276	0.1	6,505	10.4	4.7	29.7%	48.1%
VSC	Logistics	29.4	-1.7%	0.4	155	0.3	2,592	11.3	1.3	3.0%	12.9%
VTP	Logistics	26.0	-2.6%	1.0	128	0.4	2,252	11.5	2.2	15.1%	20.1%
HAH	Logistics	31.9	-3.8%	1.0	98	1.4	10,224	3.1	1.0	10.0%	40.1%
CTR	Công nghệ	55.5	-1.2%	1.2	276	0.1	3,885	14.3	3.9	10.9%	30.3%
TNG	Dệt may	16.7	-6.2%	1.7	76	2.5	2,835	5.9	1.1	12.9%	17.9%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2022		x	Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2019	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
12	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
14	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
16	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
17	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
18	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
19	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
20	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
21	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
22	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
23	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
24	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
25	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
26	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
27	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
28	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
29	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
30	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
31	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
32	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
33	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
34	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
35	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
36	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
37	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
39	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
40	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
41	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
42	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
43	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
44	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

